



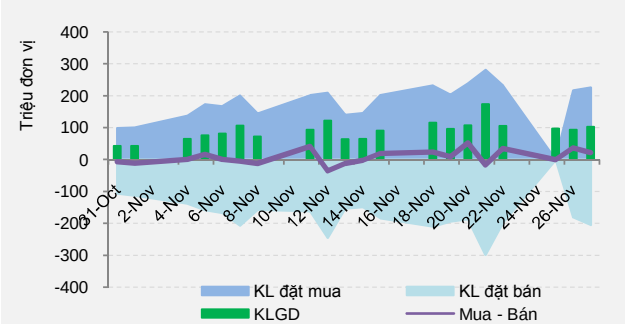
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 27/11/2013

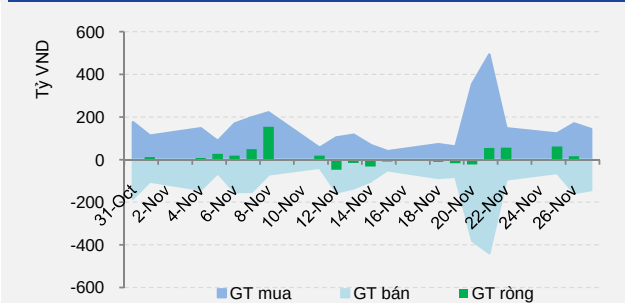
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	508.4	65.2
% Thay đổi	↓ -0.1%	↑ 0.4%
KLGD (CP)	102,743,328	45,389,354
GTGD (tỷ đồng)	1,290.00	349.92
Tổng cung (CP)	204,215,490	86,799,300
Tổng cầu (CP)	225,757,780	80,160,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,279,618	208,595
KL mua (CP)	4,690,098	1,638,200
GTmua (tỷ đồng)	144.05	15.26
GT bán (tỷ đồng)	141.57	1.29
GT ròng (tỷ đồng)	2.48	13.97

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.22%	7.3	1.7	1.7%
Công nghiệp	↑ 0.39%	236.4	1.1	21.8%
Dầu khí	↓ -0.81%	7.6	1.5	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.66%	13.6	1.8	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.81%	8.4	2.7	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.04%	12.6	5.2	15.6%
Ngân hàng	↓ -0.06%	6.5	1.3	4.7%
Nguyên vật liệu	↓ -0.31%	10.0	2.0	7.8%
Tài chính	↓ -0.56%	15.4	2.4	35.0%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.11%	8.8	3.2	7.5%
VN - Index	↓ -0.14%	12.8	3.0	78.7%
HNX - Index	↑ 0.45%	16.7	1.5	21.3%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	649,550	0.7%	1,526,000	1.6%
GTGD (tỷ VND)	1,526,000	1.6%	36,232	2.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Áp lực bán đã tăng khá mạnh vào gần cuối phiên, khi VN-Index tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Thị trường đóng cửa giảm điểm nhẹ với KLGD tăng so với phiên trước, dòng tiền vào thị trường vẫn tích cực. Nhóm cổ phiếu thuộc lĩnh vực VLXD, BĐS, cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt tiếp tục thu hút dòng tiền. Mức giảm điểm của chỉ số chung chịu tác động chủ yếu ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (VIC, VCB, MSN). VN-Index dự báo tiếp tục xu hướng điều chỉnh trong phiên ngày mai với mốc hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 505 điểm. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tốt hiện tại, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có phản ứng khi giảm về mốc hỗ trợ trên.

Đối với sàn HNX, chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên tăng điểm khá với KLGD tăng so với phiên trước. Nhóm cổ phiếu thuộc nhóm ngành chứng khoán, xây dựng... tiếp tục thu hút dòng tiền. Còn lại đa số cổ phiếu không có nhiều biến động giá, khi áp lực cung giá thấp không lớn. Việc HNX-Index tăng điểm khá với thanh khoản tăng là tín hiệu bước đầu tích cực hơn về dòng tiền. Tuy nhiên tính chung, nhà đầu tư đang quan tâm hơn tới nhóm cổ phiếu Bluechips thị giá trung bình, lực mua tại nhóm cổ phiếu thị giá thấp có xu hướng thận trọng hơn, dựa trên yếu tố cơ bản của cổ phiếu. HNX-Index dự báo tiếp tục dao động tích lũy quanh ngưỡng cản kỹ thuật 65-66 điểm trong phiên giao dịch tới.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index giảm 0.73 điểm (0.14%), xuống 508.43 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 513.25 điểm.

- HNX-Index tăng 0.29 điểm (0.44%), lên 65.19 điểm. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 65.23 điểm.

- Theo tính toán của Bộ Tài chính, giá cơ sở bình quân 30 ngày của mặt hàng xăng A92 đang cao hơn giá bán lẻ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam 278 đồng/lít, dầu DO 441 đồng/lít, dầu hỏa 797 đồng/lít và dầu FO 48 đồng/lít. Bộ Tài chính yêu cầu doanh nghiệp đầu mối tiếp tục giữ ổn định giá bán, mức sử dụng quỹ bình ổn giá, lợi nhuận định mức với các mặt hàng xăng, dầu DO, dầu hỏa. Mặt hàng xăng tiếp tục được xả quỹ bình ổn giá 200 đồng/lít, dầu DO 300 đồng/lít và dầu hỏa 700 đồng/lít. Lợi nhuận định mức của dầu DO, dầu hỏa tạm tính 100 đồng/lít, xăng giữ mức 300 đồng/lít.

- Tổng cục Thống kê đã công bố chỉ tiêu kinh tế xã hội tháng 11. Theo đó hoạt động sản xuất, tiêu thụ tiếp tục cho tín hiệu cải thiện. Chỉ số sản xuất 11 tháng đầu năm tăng lên mức 5.6% so cùng kỳ, từ mức 5.4% ở thời điểm tháng 10. Chỉ số tiêu thụ tính đến 1/11 cũng tăng lên mức 10.4%, từ mức 10.3% vào đầu tháng 10. Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng loại trừ yếu tố giá tháng 11 cũng tăng lên mức 5.6%, từ mức 5.5% trong tháng 10. Diễn biến này giúp chỉ số hàng tồn kho tháng 11 giảm nhẹ xuống 9.4%, từ mức 9.7% trong tháng 10.

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV dự kiến sẽ bán cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam VAMC khoảng 1500 tỷ đồng nợ xấu trong tuần này. Tính đến ngày 26/11, VAMC đã mua trên 18 nghìn tỷ đồng nợ gốc, tương đương 14.7 nghìn tỷ đồng giá trị trái phiếu đặc biệt mà VAMC sẽ phát hành. Tính đến nay đã có 21 ngân hàng bán nợ xấu cho VAMC và có 24 TCTD gửi hồ sơ đề nghị bán nợ xấu cho VAMC với tổng giá trị nợ xấu trên 40 nghìn tỷ đồng.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 0.73 điểm (0.14%), xuống 508.43 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 504.65 điểm.

- KLGD tăng 9% so với phiên trước, lên mức 97 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống mức 62.9 điểm, tâm lý thị trường khá tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang dao động phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Áp lực bán đã tăng khá mạnh vào gần cuối phiên, khi VN-Index tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật 513 điểm. Thị trường đóng cửa giảm điểm nhẹ với KLGD tăng so với phiên trước, dòng tiền vào thị trường vẫn tích cực. Nhóm cổ phiếu thuộc lĩnh vực VLXD, BĐS, cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt tiếp tục thu hút dòng tiền. Mức giảm điểm của chỉ số chung chịu tác động chủ yếu ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (VIC, VCB, MSN).

Thị trường dự báo tiếp tục xu hướng điều chỉnh trong phiên ngày mai với mốc hỗ trợ kỹ thuật là khoảng 505 điểm. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tốt hiện tại, chúng tôi cho rằng thị trường sẽ có phản ứng khi giảm về mốc hỗ trợ trên.

Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh tích lũy. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục/thực hiện tái cơ cấu danh mục, quan tâm đến nhóm cổ phiếu Bluechips có thời gian tích lũy, cổ phiếu nhỏ có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.29 điểm (0.44%), lên 65.19 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 64.44 điểm.

- KLGD tăng 33% so với phiên trước, lên 43 triệu đơn vị, tương đương mức trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI 14 tăng lên mức 77 điểm, tiếp tục tiến sâu vào mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách đang thu hẹp dần.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên tăng điểm khá với KLGD tăng so với phiên trước. Nhóm cổ phiếu thuộc nhóm ngành chứng khoán, xây dựng... tiếp tục thu hút dòng tiền. Còn lại đa số cổ phiếu không có nhiều biến động giá, khi áp lực cung giá thấp không lớn.

Chỉ số HNX-Index tăng điểm với thanh khoản tăng là tín hiệu bước đầu tích cực hơn về dòng tiền. Tuy nhiên tính chung, dòng tiền vẫn có xu hướng quan tâm hơn tới nhóm cổ phiếu Bluechips thị giá trung bình, lực mua tại nhóm cổ phiếu thị giá thấp có xu hướng thận trọng hơn, quan tâm hơn tới yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

Thị trường dự báo tiếp tục dao động tích lũy quanh ngưỡng cản kỹ thuật 65-66 điểm trong phiên giao dịch tới. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường sau thời gian điều chỉnh.



TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	142.5%	132.5%	2.2%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	440.6%	79.4%	13.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	78.5%	102.3%	29.4%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.4%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	11.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	120.6%	102.4%	39.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	108.8%	129.7%	23.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	171.8%	129.1%	45.0%

TỔNG HỢP KQKD Q3/2013 VÀ 9T/2013 CỦA CÁC NGÂN HÀNG

STT	Mã	Sàn	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN KH 2013	LN 9T so KH2013	EPS	BVPS	Vốn điều lệ (tỷ)	Tỷ lệ SHNN
1	VCB	HOSE	1,039.89	-6.0%	3,016.04	-10.1%	4,350.0	69.3%	1,757	17,914	23,174	19.83%
2	CTG	HOSE	2,186.73	-19.3%	5,296.12	10.0%	6,450.0	82.1%	2,287	13,458	32,661	28.70%
3	EIB	HOSE	298.28	-28.0%	879.58	-51.8%	2,400.0	36.6%	965	11,969	12,355	27.14%
4	ACB	HNX	400.82	177.0%	1,117.58	2.8%	1,350.0	82.8%	1,027	13,902	9,377	30.00%
5	NVB	HNX	2.46	-62.6%	12.98	-86.8%	90.0	14.4%	(278)	10,746	3,010	0.02%
6	STB	HOSE	508.72	23.7%	1,657.87	4.6%	2,100.0	78.9%	703	14,382	10,740	4.86%
7	MBB	HOSE	529.89	-18.3%	1,873.07	-8.4%	2,642.3	70.9%	2,043	13,894	10,625	10.00%
8	SHB	HNX	236.12	113.8%	537.82	142.7%	859.5	62.6%	1,884	11,330	8,866	17.07%

CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI KÍN ROOM

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
2	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
3	BMP	HOSE	523.37	111.6%	87.06	96.8%	1552.16	112.9%	282.92	108.8%	89.8%	49.0%
4	HCM	HOSE	141.8	124.1%	56.52	128.5%	435.65	97.5%	180.32	86.7%	76.0%	49.0%
5	JVC	HOSE	106.76	46.3%	10.39	17.0%	347.88	103.8%	23.92	36.1%	11.9%	49.0%
6	TCM	HOSE	709.28	136.3%	36.88	4490.5%	1909.03	108.0%	94.64	17207.3%	104.8%	49.0%
7	VSC	HOSE	213.22	108.5%	59.34	114.5%	576.71	99.7%	160.92	96.8%	100.3%	49.0%
8	PHS	HNX	10.63	118.1%	-8.13	48.8%	37.67	84.0%	-14.13	21.3%	0.0%	49.0%
9	VCS	HNX	462.39	180.8%	12.9	105.7%	1001.59	138.4%	48.57	138.7%	96.5%	49.0%
10	NVT	HOSE	53.31	114.3%	11.73	701.5%	163.86	99.2%	20.97	-157.0%	110.4%	48.0%

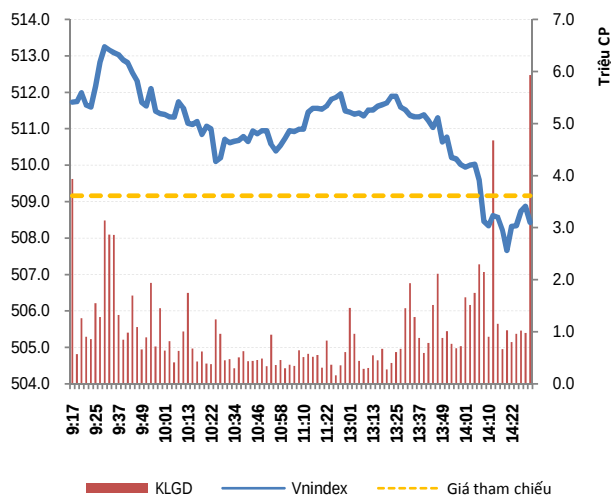
Ghi chú: Chỉ liệt những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 26/11/2013

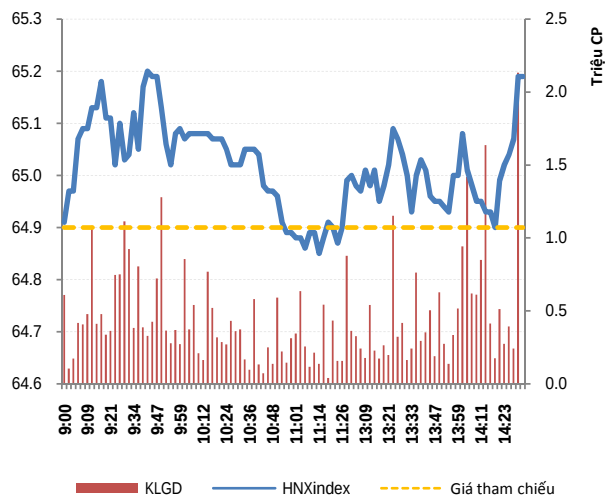
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



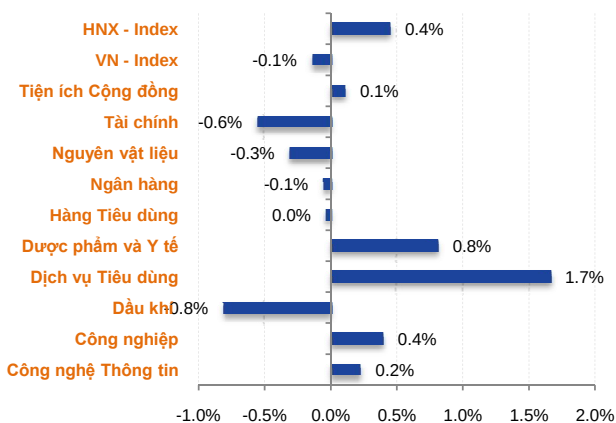
KLGD và VN-Index trong phiên



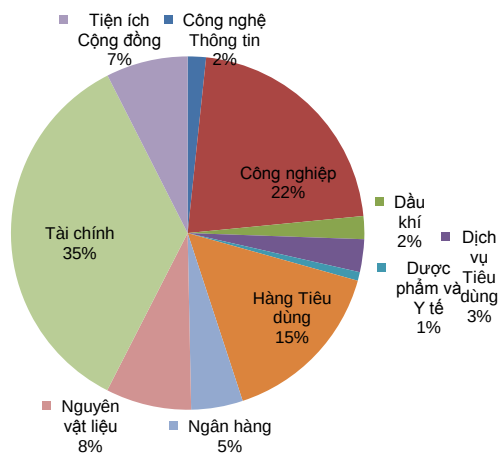
KLGD và HNX-Index trong phiên



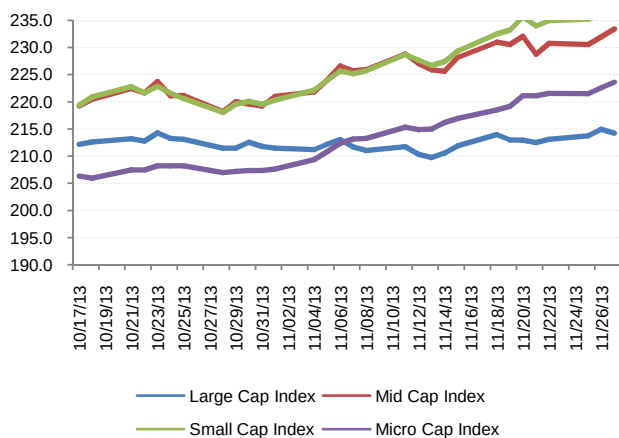
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



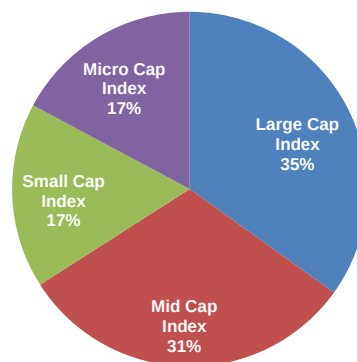
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HQC	464,000	HAG	801,440
2	FCN	248,000	VIC	228,370
3	CTG	226,300	PET	123,270
4	BIC	131,410	STB	113,870
5	SVC	109,000	HBC	84,060

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	461,000	VIG	40,000
2	SHB	367,600	VE1	35,400
3	KLS	240,000	SD4	14,500
4	PVS	114,200	NST	12,600
5	PVX	88,365	TIG	12,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	6.6	7.0	↑ 6.06%	12,065,910
HQC	7.0	7.1	↑ 1.43%	8,716,380
ITA	6.7	6.7	→ 0.00%	4,413,640
IJC	8.8	9.1	↑ 3.41%	3,070,190
PVT	11.5	11.5	→ 0.00%	3,033,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	7.1	7.1	↓ -0.31%	3,894,593
PVX	2.5	2.6	↑ 3.56%	3,617,023
KLS	8.8	8.9	↑ 0.84%	3,431,601
VND	10.1	10.3	↑ 1.65%	2,607,533
SHB	7.0	7.1	↑ 0.84%	1,950,269

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ATA	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
PTK	10.1	10.8	0.7	↑ 6.93%
DCT	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
VHG	9.7	10.4	0.7	↑ 6.86%
AVF	7.3	7.8	0.5	↑ 6.85%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BDB	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
HST	7.1	7.8	0.7	↑ 9.86%
KHL	3.1	3.4	0.3	↑ 9.68%
TST	5.2	5.7	0.5	↑ 9.62%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NHW	11.7	10.9	-0.8	↓ -6.84%
CLC	28.4	26.5	-1.9	↓ -6.69%
CLG	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%
TYA	6.5	6.1	-0.4	↓ -6.15%
RDP	14.9	14.0	-0.9	↓ -6.04%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	8.1	7.3	-0.8	↓ -9.88%
HBE	5.1	4.6	-0.5	↓ -9.80%
TKU	15.9	14.4	-1.5	↓ -9.43%
YBC	5.3	4.8	-0.5	↓ -9.43%
TH1	30.0	27.2	-2.8	↓ -9.37%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	12,065,910	6.3%	990	7.1	0.4
HQC	8,716,380	4.2%	452	15.7	0.7
ITA	4,413,640	0.2%	26	260.0	0.6
IJC	3,070,190	2.0%	212	42.8	0.9
PVT	3,033,500	5.9%	680	16.9	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	3,894,593	-1.1%	(160)	-	0.5
PVX	3,617,023	-92.1%	(5,013)	-	0.7
KLS	3,431,601	6.4%	810	11.0	0.7
VND	2,607,533	10.9%	1,265	8.1	0.8
SHB	1,950,269	17.1%	1,884	3.7	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ATA	↑ 7.0%	-1.2%	(152)	-	0.4
PTK	↑ 6.9%	1.5%	157	68.6	1.0
DCT	↑ 6.9%	-40.7%	(4,402)	-	0.3
VHG	↑ 6.9%	15.8%	1,635	6.4	0.6
AVF	↑ 6.8%	8.0%	1,300	6.0	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BDB	↑ 10.0%	4.7%	508	8.7	0.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
HST	↑ 9.9%	5.0%	536	14.6	0.7
KHL	↑ 9.7%	-1.0%	(100)	-	0.3
TST	↑ 9.6%	-8.4%	(1,508)	-	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	464,000	4.2%	452	15.7	0.7
FCN	248,000	23.8%	4,503	3.9	1.2
CTG	226,300	16.0%	2,287	7.5	1.3
BIC	131,410	11.9%	1,377	8.6	1.0
SVC	109,000	5.8%	1,699	9.6	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	461,000	10.9%	1,265	8.1	0.8
SHB	367,600	17.1%	1,884	3.7	0.6
KLS	240,000	6.4%	810	11.0	0.7
PVS	114,200	17.3%	2,872	6.3	1.1
PVX	88,365	-92.1%	(5,013)	-	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	122,228	40.9%	6,696	9.6	3.7
VNM	120,020	40.5%	8,053	17.9	7.1
VCB	65,583	9.8%	1,757	16.1	1.6
CTG	64,043	16.0%	2,287	7.5	1.3
MSN	61,365	2.7%	557	149.9	4.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	7.5%	1,027	15.3	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	8,130	17.3%	2,872	6.3	1.1
SHB	6,203	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	4,860	5.9%	687	35.4	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.77	-8.6%	(1,156)	-	0.7
DIG	2.56	0.2%	28	428.3	0.7
CLG	2.52	12.5%	1,402	7.0	0.8
OGC	2.47	-1.8%	(196)	-	1.0
ITA	2.45	0.2%	26	260.0	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	4.36	1.3%	135	31.8	0.4
VCG	4.17	3.4%	403	25.1	0.8
V15	4.13	-28.2%	(2,889)	-	0.3
ITQ	3.96	0.4%	42	137.7	0.6
PVA	3.72	-142.4%	(6,367)	-	0.9



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)